

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ T15XDDb

TÊN HỌC PHẦN: TRẮC ĐỊA

HỌC KỲ 2

MÃ HỌC PHẦN : CIE - 260

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 12/12/2010

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					15			15		15			55	100		
1	152211938	HỒ CÔNG TIẾN	T15XDDB	8			7		5			6	6.3	Sầu pháy Ba		
2	152211939	ĐẶNG HỒNG ĐỨC	T15XDDB	8			6		2			7	6.3	Sầu pháy Ba		
3	152211940	TRẦN HỮU BA	T15XDDB	10			8		6			7	7.5	Báy pháy Năm		
4	152211941	TRẦN CÔNG ĐỊNH	T15XDDB	5			6		2			5	4.7	Bấu pháy Báy		
5	152211942	NGUYỄN VĂN SƠN	T15XDDB	8			5		2			5	5.0	Năm		
6	152211943	TRẦN VĂN CUỒNG	T15XDDB	10			6		2			5	5.5	Năm pháy Năm		
7	152211944	NGUYỄN HÙNG THANH	T15XDDB	7			6		5			6	6.0	Sầu		
8	152211945	LÊ VĂN LONG	T15XDDB	8			6		5			6	6.2	Sầu pháy Hai		
9	152211946	NGUYỄN ANH DŨNG	T15XDDB	3			6		2			5	4.4	Bấu pháy Bấu		
10	152211947	BÙI THANH HÂN	T15XDDB	10			6		2			5	5.5	Năm pháy Năm		
11	152211948	ĐINH VŨ LƯỢNG	T15XDDB	7			5		5			5	5.3	Năm pháy Ba		
12	152211949	NGUYỄN HỮU VINH	T15XDDB	10			7		2			7	6.7	Sầu pháy Báy		
13	152211950	PHAN PHỤNG PHƯƠNG	T15XDDB	9			5		2			6	5.7	Năm pháy Báy		
14	152211951	TRƯƠNG QUANG PHỒN	T15XDDB	6			6		3			4	4.5	Bấu pháy Năm		
15	152211952	TẠ NGỌC HẢI	T15XDDB	7			6		2			6	5.6	Năm pháy Sầu		
16	152211954	ĐOÀN CÔNG TÂM	T15XDDB	10			6		3			5	5.6	Năm pháy Sầu		
17	152211955	NGUYỄN ĐÌNH THẠNH	T15XDDB	8			6		6			5	5.8	Năm pháy Tâm		
18	152211957	NGUYỄN VĂN THỐNG	T15XDDB	10			7		6			6	6.8	Sầu pháy Tâm		
19	152211958	VÕ VĂN HÙNG	T15XDDB	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
20	152211959	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	T15XDDB	10			7		3			5	5.8	Năm pháy Tâm		
21	152211960	NGUYỄN VĂN QUANG	T15XDDB	7			7		3			5	5.3	Năm pháy Ba		
22	152211961	NGUYỄN THANH ĐÔNG	T15XDDB	10			6		3			6	6.2	Sầu pháy Hai		
23	152211963	NGUYỄN ĐÌNH MỸ	T15XDDB	9			5		2			6	5.7	Năm pháy Báy		
24	152211964	PHẠM DUY KHÁNH	T15XDDB	8			7		2			7	6.4	Sầu pháy Bấu		
25	152211965	NGUYỄN VĂN VŨ	T15XDDB	8			8		5			7	7.0	Báy		
26	152211966	NGUYỄN ĐỨC THOM	T15XDDB	8			7		5			6	6.3	Sầu pháy Ba		
27	152211967	VÕ THÀNH NHÂN	T15XDDB	10			7		7			7	7.5	Báy pháy Năm		
28	152211968	HỒ NHƯ Ý	T15XDDB	10			8		2			6	6.3	Sầu pháy Ba		
29	152211969	PHẠM HỮU HÙNG	T15XDDB	10			8		5			7	7.3	Báy pháy Ba		
30	152211970	NGUYỄN MINH QUÝ	T15XDDB	10			7		3			7	6.9	Sầu pháy Chên		
31	152211971	HUỖNH NGỌC HIỀN	T15XDDB	10			8		7			7	7.6	Báy pháy Sầu		
32	152221986	NGÔ QUỐC DIỆP	T15XDDB	10			8		6			6	6.9	Sầu pháy Chên		
33	152221991	NGUYỄN ĐỨC	T15XDDB	10			6		4			7	6.9	Sầu pháy Chên		
1	0242	NGUYỄN VIỆT LAI	K11XD2	2			0		0			V	0.0	Khăng		
2	0589	NGUYỄN THỊ KIM CHI	K12XDC	7			6		5			6	6.0	Sầu		
3	4714	MAI KHÁNH DƯƠNG	K13XDC	7			4		3			4	4.3	Bấu pháy Ba		
4	4463	HÀ XUÂN HÙNG	K13XDD3	2			0		1			3	0.0	Khăng		
5	8066	HOÀNG TUẤN NGỌC	K14XCD	5			0		2			4	3.3	Ba pháy Ba		
6	1184	TỔNG VĂN BÌNH	K14XDD1	3			4		6			5	4.7	Bấu pháy Báy		
7	0308	LÊ THUẬN DŨNG	T13XDC1	3			5		4			5	4.6	Bấu pháy Sầu		

Ngày thi: 12/12/2010

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
8	0177	HOÀNG ANH DŨNG	T13XDD1	5			0		2			3	0.0	Khăng		
9	0203	NGUYỄN TẤN KHÔI	T15XDD1	3			0		2			4	3.0	Ba		
10	0279	NGUYỄN TẤN PHÁT	K11XD2	5			0		3			4	3.0	Ba		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	36	84%	
2	Số sinh viên nợ	7	16%	
TỔNG CỘNG :		43	100%	

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú